

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ RẠCH GIÁ

Số: 274 /BCB-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 15 tháng 8 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh An Giang

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Y tế Rạch Giá.

Số giấy phép hoạt động: 00963/AG-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh An Giang,
ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Địa chỉ: Số 02 đường Âu Cơ, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKI. NGUYỄN VĂN QUÝ

Điện thoại liên hệ: 02973.862.193

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành. (Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: đại học, cao đẳng, trung học. (Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa. (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu. (Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng. (Phụ lục 2)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành. (Phụ lục 3)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHN.V.



Nguyễn Văn Quý

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Kèm theo Công văn số: 274 /BCB-TTYT ngày 25/8/2025)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học - học phần - tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm, Khoa Nội, Khoa HSCC	3	30	50	50	0	30
2	7720101	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa CSSKSS	1	10	30	30	0	10
3	7720115	Đại học	Bác sĩ YHCT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	1	10	0	0	0	10
4	7720501	Đại học	Bác sĩ RHM	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	2	20	0	0	0	20
5	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành lâm sàng	PKĐK Trung tâm	2	20	0	0	0	20
6	7720601	Đại học	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa XN-CDHA	2	20	0	0	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học - học phần - tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	7720201	Đại học	Dược học	Dược lý và dược lâm sàng	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Khoa Dược –TTB–VTYT	2	20	0	0	0	20
8	6720302	Cao đẳng	Y sĩ da khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành lâm sàng	PKĐK Trung tâm	3	45	0	0	0	45
9	6720201	Cao đẳng	YHCT	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành lâm sàng	PKĐK Trung tâm	1	15	0	0	0	15
10	6720501	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh	PKĐK Trung tâm	2	30	0	0	0	30
11	6720502	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh	Khoa CSSKSS	2	30	30	30	0	30
12	6720401	Cao đẳng	Dược học	Dược lý và dược lâm sàng	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Khoa Dược –TTB–VTYT	2	30	0	0	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học - học phần - tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	5720302	Trung cấp	Y sĩ	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành lâm sàng	PKĐK Trung tâm	1	15	0	0	0	15
Tổng cộng							24	295	80	80	0	295

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ
(Kèm theo Công văn số 24 /BCB-TTYT ngày 25/8/2025)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Văn Quý	Bác sĩ CKI	Nội khoa	002812/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	10	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa Nội	30
2	Huỳnh Trọng Tâm	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000033/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	13	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa Nội	30
3	Lâm Hạnh	Bác sĩ	Đa khoa	003214/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa HSCC	20
4	Nguyễn Huỳnh Bá	Bác sĩ	Đa khoa	000649/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	2	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa HSCC	20
5	Lưu Thị Quỳnh Nga	Bác sĩ	Đa khoa	004438/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	8	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	0
6	Nguyễn Văn Đạo	Bác sĩ CKI	Đa khoa	004316/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	0

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
7	Trịnh Ngọc Hạnh	Bác sĩ CKI	Nội khoa	002800/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	10	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa Nội	30
8	Lưu Đông Sa	Bác sĩ	RHM	006055/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	6	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	0
9	Lý Huân Kiên	Bác sĩ	RHM	007725/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	3	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	0
10	Lý Hương Duyên	Bác sĩ CKI	YHCT	003146/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	10	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	0
11	Lưu Thị Thủy Tiên	Bác sĩ CKI	YHCT-PHCN	0003230/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền/ Thực hiện vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	10	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	PKĐK Trung tâm	0
12	Lê Thị Bích Tuyền	Bác sĩ CKI	Sản phụ khoa	000995/KG-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ-KHHGD.	11	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	30



STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
13	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Cử nhân điều dưỡng hộ sinh	Hộ sinh	004098/KG-CCHN	Chuyên ngành Hộ sinh	7	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	30
14	Trịnh Lâm Trúc Hạ	CNHS	Hộ sinh	003199/KG-CCHN	Chuyên ngành Hộ sinh	10	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	30
15	Đặng Ngọc Bích	ThS.ĐD	Điều dưỡng	003168/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh	6	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành lâm sàng	PKĐK Trung tâm	0
16	Nguyễn Minh Ngà	ĐDDH	Điều dưỡng	007174/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh	5	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành lâm sàng	PKĐK Trung tâm	0
17	Phan Yến Nhi	CNĐD	Điều dưỡng	006872/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh	5	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh	PKĐK Trung tâm	0

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
18	Nguyễn Bích Trang	CNDD	Điều dưỡng	001093/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh	3	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh	PKĐK Trung tâm	0
19	Phan Hoàng Bảo Ngọc	XNĐH	Xét nghiệm	006704/KG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	5	Kỹ thuật xét nghiệm	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa XN-CDHA	0
20	Lê Thị Ánh Tiên	XNĐH	Xét nghiệm	007773/KG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	3	Kỹ thuật xét nghiệm	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa XN-CDHA	0
21	Võ Thị Hồng Hạnh	Dược sĩ CKI	Dược lý dược lâm sàng	715/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	9	Dược lý và dược lâm sàng	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Khoa Dược – TTB – VTYT	0
22	Nguyễn Ngọc Phúy	Dược sĩ CKI	Dược lý dược lâm sàng	304/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	10	Dược lý và dược lâm sàng	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Khoa Dược – TTB – VTYT	0

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
23	Phạm Thu Thủy	Dược sĩ CKI	Dược lý dược lâm sàng	01/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	12	Dược lý và dược lâm sàng	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Khoa Dược – TTB – VTYT	0
24	Lương Thị Hải Yến	Dược sĩ CKI	Dược lý dược lâm sàng	1096/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	9	Dược lý và dược lâm sàng	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Khoa Dược – TTB – VTYT	0

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Công văn số: 274 /BCB-TTYT ngày 25/8/2025)

1. Hội trường			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy tính	01	
2	Máy chiếu	01	
3	Âm thanh	01	
4	Tivi	01	
5	Mạng internet	02	
2. Khoa Hồi sức – Cấp cứu			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ đặt nội khí quản Hibro	04	
2	Bộ mở khí quản	04	
3	Bình Oxy	06	
4	Bơm tiêm điện	03	
5	Đèn đọc phim Xquang	01	
6	Máy phun khí dung	02	
7	Máy điện tim 3 cân	01	
8	Monitor theo dõi bệnh nhân	02	
9	Máy giúp thở	02	
10	Máy truyền dịch	03	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	01	
12	Máy hút dịch 2 bình	02	
13	Máy phá rung tim	01	
14	Giường	20	
3. Khoa Nội tổng hợp			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy điện tim 3 cân	01	

2	Đèn đọc phim X-Quang	01	
3	Bình Oxy	01	
4	Máy phun khí dung	01	
5	Máy đo nồng độ oxy bão hoà cầm tay	02	
6	Giường	30	
7	Bộ tiểu phẫu	02	

4. Khoa Dược – TTB - VTYT

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đo huyết áp Microlife	05	
2	Ống nghe	02	
3	Kệ để thuốc sát sơn tĩnh điện (2x2x0.4) m	02	
4	Tủ sắt đựng hồ sơ	01	
5	Nhiệt kế y học 42	12	
6	Máy huyết áp nhi + ống nghe	04	

5. Khoa XN-CDHA

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống máy X-Quang cao tần	01	
2	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động hoàn toàn	01	
3	Máy huyết học tự động 19 thông số	01	
4	Máy li tâm đa năng	01	
5	Máy rửa phim X-Quang tự động	01	
6	Máy lọc nước R.O	01	
7	Máy xét nghiệm điện giải 2 thông số	01	
8	Kính hiển vi 2 mắt	01	
9	Máy xét nghiệm huyết học	01	
10	Máy xét nghiệm điện giải đồ	01	
11	Máy xét nghiệm miễn dịch	01	

6. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
-----	--------------	----------	---------



1	Bàn sanh	02	
2	Bóp bóng trẻ em	01	
3	Bộ khám phụ khoa	02	
4	Bộ dụng cụ sanh, cắt khâu tầng sinh môn	02	
5	Băng ca không xếp	01	
6	Bộ kiểm tra tử cung	01	
7	Bục 2 tầng Inox	02	
8	Bộ dụng cụ đặt vòng, lấy vòng bằng Inox	02	
9	Dopler nghe tim thai	01	
10	Đèn gù	01	
11	Đèn khám bệnh	02	
12	Đèn tia hồng ngoại TNE	02	
13	Máy hút dịch 2 bình	01	
14	Máy siêu âm	01	
15	Giường bệnh	30	

7. PKĐK Trung tâm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ thử kính kèm gọng	01	
2	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt	01	
3	Máy châm cứu	10	
4	Máy điện xung	05	
5	Máy đo huyết áp	05	
6	Máy đo huyết áp người lớn + ống nghe	01	
7	Máy huyết áp nhi + ống nghe	01	
8	Máy điện xung Aukewel	05	
9	Máy châm cứu KWD-808 I	04	
10	Máy siêu âm ALOKA Nhật	01	
11	Máy siêu âm điều trị	01	
12	Máy siêu âm tổng quát	01	
13	Máy đo khúc xạ kế tự động	01	

14	Máy đo chức năng hô hấp	01	
15	Máy đo thính lực + Buồng đo thính lực	01	
16	Máy hút dịch chạy điện 7E-B	01	
17	Ghế khám răng SDC-32	01	
18	Bộ kim nhổ răng trẻ em, 7 chi tiết	02	
19	Bộ kim nhổ răng người lớn, 17 chi tiết	01	
20	Giường inox có tay quay	02	
21	Giường kéo cổ, cột sống	01	
22	Hệ thống nội soi tai mũi họng	01	
23	Đèn thị lực	01	
24	Cáng tay CT - 01	02	
25	Đèn tia hồng ngoại TNE	04	
26	Xe đẩy dụng cụ không hộc	01	
27	Xe đẩy bệnh nhân nằm + nệm + cây treo chuyên dịch	01	
28	Xe đẩy 3 tầng (inox) để máy siêu âm	01	
29	Tủ nhôm đựng thuốc cánh kính	02	
30	Tủ đựng dụng cụ	01	
31	Tủ sấy tiệt trùng Galy	01	
32	Tủ đựng thuốc	01	
33	Khay dụng cụ các loại	02	
34	Bàn tiểu phẫu Inox nâng đầu 2 bên	01	
35	Bảng thị lực có đèn BTL - 01	01	